

Bản án số: **136/2025/DS-ST**

Ngày: 09/9/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhuận
Bà Phạm Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Huyền Trang - Thư ký, Tòa án nhân dân Khu vực 5 - H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - H, tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 153/2025/TLST – DS ngày 09/6/2025 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-DS ngày 29/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-DS ngày 20/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV (V*bank); địa chỉ trụ sở: Số 89 LH, phường LH, quận Đ, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông NCD – Chủ tịch HĐQT;

Đại diện theo uỷ quyền: (1) TTTH, CCCD số: 042***227; (2) TTHH, CCCD số 042***245; (3) NHB, CCCD số 025***108 (theo Văn bản uỷ quyền số 10/2025/UQN-CTQT ngày 12 tháng 02 năm 2025 của V*bank).

Đại diện theo uỷ quyền nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại Tòa án gồm: (1) Bà NTM, CCCD số: 034***127; (2) ông TQĐ, CCCD số: 031***666; (3) ông NQS, CCCD số: 026***330; (4) Ông PTL, CCCD số: 027***373; (4) Ông LTĐ, CCCD số: 001***001; (5) Ông TĐL, CCCD số: 036***839.

- Bị đơn: Bà ĐTHT, sinh năm 1975; CCCD số: 019***468; nơi đăng ký thường trú: tổ dân phố C, Yên Viên, huyện G, thành phố H nay là xã PĐ, thành phố H.

Ông Đ có mặt, bà T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2025 của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP VNTV (V*bank) và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của V*bank trình bày:*

Về việc giao kết hợp đồng:

Ngày 24/03/2022, bà ĐHTT có ký với Ngân hàng TMCP VNTV (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số 324-P-8027425 (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử). Với nội dung cơ bản như sau:

- Hạn mức thẻ tín dụng đề nghị cấp là: 200.000.000 đồng;
- Đề nghị phát hành thẻ vật lý loại thẻ V*bank Platinum Cashback Mastercard.
- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ thời điểm khách hàng được cấp hạn mức tín dụng;
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng.
- Lãi suất trong hạn tại thời điểm cấp hạn mức tín dụng; lãi suất quá hạn, lãi phạt, ngày sao kê, kỳ sao kê, ngày đến hạn thanh toán theo quy định của V*bank, cụ thể:
 - + Ngày đầu kỳ sao kê là ngày 28/3/2022;
 - + Ngày sao kê là ngày 26 hàng tháng, ngày sao kê đầu tiên là ngày 11/5/2022;
 - + Ngày đến hạn thanh toán là ngày 11 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 11/05/2022.
 - + Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn.
- Trị giá thanh toán tối thiểu là: 5% dư nợ + số tiền trả góp hàng tháng (nếu có). Số tiền bà ĐHTT phải thanh toán tối thiểu trả V*bank tại ngày sao kê của kỳ sao kê phát sinh hoạt động rút tiền/sử dụng hạn mức thẻ tín dụng, số tiền tối thiểu phải trả là: 10.618.019 đồng.

Và các quy định về điều khoản khác, các cam kết của bà ĐHTT với V*bank được quy định trong Hợp đồng tín dụng và bản Điều khoản chung.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Bà ĐHTT đã được V*bank cấp hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng và bà T đã sử dụng hết số tiền 200.000.000 đồng, thực hiện các giao dịch rút tiền và trả tiền theo đúng theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 28/3/2022 đến ngày 10/11/2023, cụ thể như sau:

- Kỳ 1: 27/04/2022 đến 26/05/2022, số tiền trả trong kỳ là 200,000,000 đồng(Hai trăm triệu đồng).

- Kỳ 2: 27/05/2022 đến 26/06/2022, số tiền trả trong kỳ là 199,999,986 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

- Kỳ 3: 27/06/2022 đến 26/07/2022, số tiền trả trong kỳ là 199,999,972 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).

- Kỳ 4: 27/07/2022 đến 26/08/2022, số tiền trả trong kỳ là 199,999,972 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).

- Kỳ 5: 27/08/2022 đến 26/09/2022, số tiền trả trong kỳ là 199,999,967 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng).

- Kỳ 6: 27/09/2022 đến 26/10/2022, số tiền trả trong kỳ là 199,999,967 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng).

- Kỳ 7: 27/10/2022 đến 26/11/2022, số tiền trả trong kỳ là 199,979,967 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng).

- Kỳ 8: 27/11/2022 đến 26/01/2023, số tiền trả trong kỳ là 199,979,967 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng).

- Kỳ 9: 27/01/2023 đến 26/02/2023, số tiền trả trong kỳ là 199,977,037 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

- Kỳ 10: 27/02/2023 đến 26/03/2023, số tiền trả trong kỳ là 199,977,037 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

- Kỳ 11: 27/03/2023 đến 26/04/2023, số tiền trả trong kỳ là 199,977,037 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

- Kỳ 12: 27/04/2023 đến 26/05/2023, số tiền trả trong kỳ là 199,977,037 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

- Kỳ 13: 27/05/2023 đến 26/06/2023, số tiền trả trong kỳ là 199,981,987 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi một nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng).

- Kỳ 14: 27/06/2023 đến 26/07/2023, số tiền trả trong kỳ là 199,981,937 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi một nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng).

- Kỳ 15: 27/07/2023 đến 26/08/2023, số tiền trả trong kỳ là 199,981,937 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi một nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng).

- Kỳ 16: 27/08/2023 đến 26/09/2023, số tiền chi tiêu trong kỳ là 199,986,937 (Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng). Số tiền khách hàng phải trả trong kỳ là 203,530,505 đồng (Hai trăm linh ba triệu năm trăm ba mươi nghìn năm trăm linh năm đồng) bao gồm phí, lãi.

Về việc vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng: Tại kỳ sao kê ngày 11/10/2023, bà T đã chi tiêu số tiền nợ gốc là 199.986.937 đồng. Tuy nhiên, từ kỳ sao kê ngày 11/10/2023 đến nay, bà ĐTHT không thanh toán trả V*bank tiền nợ gốc hay nợ lãi nào, dẫn đến toàn bộ khoản nợ bị quá hạn kéo dài từ ngày 11/10/2023, vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận theo Hợp đồng thẻ tín dụng đã ký và Điều kiện giao dịch chung của V*bank mà hai bên đã thỏa thuận và phải chịu lãi suất quá hạn là 35,88%. Vì vậy, theo quy định của hợp đồng, V*bank có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Tạm tính đến hết ngày 29/7/2025, bà ĐTHT còn nợ V*bank tổng số tiền là: 410.475.953 đồng, trong đó: Nợ gốc còn phải trả là: 199.991.887 đồng, nợ lãi còn phải trả là: 206.415.541 đồng.

Nay, V*bank giữ nguyên toàn bộ các yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H giải quyết:

1. Buộc bà ĐTHT phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và lãi phát sinh liên quan theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 24/3/2022 và Điều kiện giao dịch chung: tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 29/7/2025 là: 410.475.953 đồng, trong đó: Nợ gốc còn phải trả là: 199.991.887 đồng, nợ lãi còn phải trả là: 206.415.541 đồng.

2. Kể từ ngày 30/7/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ nêu trên, bà ĐTHT tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định của Điều kiện giao dịch chung của V*bank.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của V*bank thì lãi suất ông Trí phải tiếp tục thanh toán cho V*bank theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất V*bank.

Bà ĐHTT có trách nhiệm trả ngay toàn bộ khoản nợ nêu trên cho V*bank. Số tiền bà ĐHTT trả nợ được ưu tiên trừ vào nợ gốc trước, nợ lãi sau.

Bà ĐHTT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Bị đơn – bà ĐHTT đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không có lời khai của bà T tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên và xác định lại số tiền bà ĐHTT hiện còn nợ V*bank như sau:

Tạm tính đến hết ngày 09/9/2025, bà ĐHTT còn nợ V*bank tổng số tiền là: 428.480.813 đồng, trong đó: Nợ gốc còn phải trả là: 199.991.887 đồng, nợ lãi còn phải trả là: 224.420.400 đồng. Phí: 4.068.525 đồng.

Đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H buộc bà ĐHTT phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và lãi phát sinh liên quan theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 24/3/2022 và Điều kiện giao dịch chung: tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 09/9/2025 là: 428.480.813 đồng, trong đó: Nợ gốc còn phải trả là: 199.991.887 đồng, nợ lãi còn phải trả là: 224.420.400 đồng. Phí: 4.068.525 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu hay đề nghị nào khác.

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:***

- Tòa án nhân dân huyện G (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H) đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán, thư ký lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành nghiêm túc, không đến Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNTV đối với bà ĐHTT buộc bà T phải trả cho V*bank số tiền tạm tính đến hết ngày 09/9/2025 là: 428.480.813 đồng, trong đó: Nợ gốc còn phải trả là:

199.991.887 đồng, nợ lãi còn phải trả là: 224.420.400 đồng. Phí: 4.068.525 đồng.

- Kể từ ngày 10/9/2025, bà ĐHTT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

* Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Về quan hệ pháp luật: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng". Quá trình giải quyết vụ án thể hiện bà ĐHTT đã được Ngân hàng TMCP VNTV cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Đây là tranh chấp về dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về dân sự, về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP VNTV khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là bà ĐHTT đăng ký HKTT: tổ dân phố C, Yên Viên, huyện G, thành phố H (nay là xã PĐ, thành phố H). Và qua xác minh thể hiện bà ĐHTT có đăng ký thường trú và hiện vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H).

[1.2]. Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Như vậy, Bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyên đơn: Có mặt và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1]. Việc ký kết hợp đồng: Ngày 24/03/2022 bà ĐHTT, sinh năm 1975, đăng ký HKTT: tổ dân phố C, Yên Viên, huyện G, thành phố H nay là xã PĐ, thành phố H đã ký kết Hợp đồng tín dụng (là Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử) với Ngân hàng TMCP VNTV với nội dung:

Hạn mức thẻ tín dụng đề nghị cấp là: 200.000.000 đồng.

Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ thời điểm khách hàng được cấp hạn mức tín dụng; Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân.

Lãi suất trong hạn tại thời điểm cấp hạn mức tín dụng; lãi suất quá hạn, lãi phạt, ngày sao kê, kỳ sao kê, ngày đến hạn thanh toán theo quy định của V*bank được nêu rõ trong Hợp đồng tín dụng và Điều kiện giao dịch chung của V*bank.

Bà ĐHTT đã hiểu rõ, đồng ý và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung xác nhận trong Văn bản khi bà T sử dụng dịch vụ tại V*bank mà bà T đã ký ngày 24/03/2022.

V*bank đã ký xác nhận về việc đồng ý phát hành thẻ tín dụng cho bà ĐHTT. Bà ĐHTT đã được V*bank cấp hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của hợp đồng: .

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xét hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hợp đồng ký kết có mục đích và nội dung rõ ràng, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại các Điều 117, 119, 398, 401, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 4; khoản 2 Điều 91; Điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7 và điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[2.3]. Về việc thực hiện hợp đồng của các bên, yêu cầu đòi nợ gốc, nợ lãi của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay. Bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số 17 kỳ rút và trả tiền từ ngày 28/3/2022 đến ngày 10/11/2023.

Tại kỳ sao kê ngày 11/10/2023, bà T đã chi tiêu số tiền nợ gốc là 199.986.937 đồng. Từ kỳ sao kê ngày 11/10/2023 đến nay, bà ĐHTT không thanh toán trả V*bank khoản tiền nợ gốc hay nợ lãi nào, dẫn đến toàn bộ khoản nợ bị quá hạn kéo dài từ ngày 11/10/2023, vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận theo Hợp đồng thẻ tín dụng đã ký và Điều kiện giao dịch chung của V*bank mà hai bên đã thỏa thuận và phải chịu lãi suất quá hạn là 35,88% - 39,48% (lãi suất được điều chỉnh tương ứng theo từng thời kỳ của V*bank). Vì vậy, theo quy định của hợp đồng, V*bank có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Tạm tính đến hết ngày 09/9/2025, bà ĐHTT còn nợ V*bank tổng số tiền là: 428.480.813 đồng, trong đó: Nợ gốc còn phải trả là: 199.991.887 đồng, nợ lãi còn phải trả là: 224.420.400 đồng. Phí: 4.068.525 đồng.

Nguyên đơn đã giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc, lãi theo lịch trình trả nợ tại hợp đồng tín dụng đã ký kết của Bị đơn.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP VNTV khởi kiện yêu cầu buộc bà T phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Xét các chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn nên căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc: 199.991.887 đồng, nợ lãi quá hạn: 224.420.400 đồng. Phí: 4.068.525 đồng. Tổng cộng: 428.480.813 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích và đánh giá ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, về việc buộc Bị đơn là bà ĐHTT phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Nguyên đơn theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 24/3/2022 số hợp đồng 324-P-8027425 tổng số tiền còn nợ (*tạm tính đến hết ngày 09/9/2025*) là: Nợ gốc: 199.991.887 đồng, nợ lãi quá hạn: 224.420.400 đồng. Phí: 4.068.525 đồng. Tổng cộng: 428.480.813 đồng.

Kể từ ngày 10/9/2025, bà ĐHTT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3]. Xét quan điểm và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H tham gia phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm. Cụ thể bà ĐTHT phải chịu án phí sơ thẩm là: 21.139.233 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 119, 398, 463, và Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2025);

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 của Ngân hàng Nhà nước; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước;

Áp dụng Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 28/2002/QĐ-NHNN ngày 11/01/2002; Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/05/2005;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV đối với bà ĐTHT.

2. Buộc bà ĐTHT phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV (Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 24/3/2022 và Bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV) tổng số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 09/9/2025 là: Nợ gốc: 199.991.887 đồng, nợ lãi quá hạn: 224.420.400 đồng. Phí: 4.068.525 đồng. Tổng cộng: 428.480.813 (bốn trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, tám trăm mười ba) đồng.

3. Buộc bà ĐHTT phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 10/9/2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 24/3/2022 giữa bà T với Ngân hàng và Bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV) cho đến khi bà T thanh toán hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng TMCP VNTV. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí:

Buộc bà ĐHTT phải chịu án phí sơ thẩm là: 21.139.233 (hai mươi một triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi ba) đồng.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP VNTV số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – H) theo biên lai thu ký hiệu BLTU/23 số 0066137 ngày 09/6/2025 là 9.189.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TANDTP.H;
- VKSND Khu vực 5 - HN;
- Phòng THADS Khu vực 5 - HN;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP/TA.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc